TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 22/2020/DS-ST Ngày: 17-7-2020 *V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Hà Văn Châu.

2/. Ông Huỳnh Phước.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2019/TLST-DS ngày 24/12/2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐXXST-DS ngày 14/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N, địa chỉ: Số KH LH, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn Bảo T, Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N chi nhánh thành phố Sóc Trăng, địa chỉ nơi làm việc: Số KB đường T, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 06/5/2020 - có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn D, địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Ấp NR, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: Số MHK ấp NR, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (đang chấp hành án tại Trại giam C, Bộ Công an - vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2019 của Ngân hàng N (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và lời trình bày của ông Phan Văn Bảo Tước tại phiên toà thì:

Ông Trần Văn D có vay 1.500.000.000 đồng của Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Sóc Trăng theo Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201401152 ngày 10/11/2014 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 7601LAV201401152 ngày 10/11/2014, lãi suất 12,5%/năm (lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay); mục đích vay vốn để mua xe đầu kéo và sơ mi rơmóoc; thời gian cho vay 60 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là 10/11/2019.

Tài sản đảm bảo nợ vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 465 ngày 10/11/2014 gồm:

+ Một xe đầu kéo nhãn hiệu DONGFENG, màu vàng, số máy 753087965095, số khung DY34E8017513, tải trọng 14900Kg, 02 chỗ ngồi, biển số 83C-028.36 theo giấy Chứng nhận đăng ký xe ôtô số 000831 ngày 07/11/2014 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông D;

+ Một sơmi rơmóoc nhãn hiệu CIMC, màu vàng, số khung 2374E1013908, tải trọng 30.790kg, biển số 83R-000.64 theo giấy Chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơmi rơ moóc số 000031 ngày 07/11/2014 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông D.

Sau khi vay, ông D đã trả được 741.892.627 đồng (gồm 380.834.156 đồng gốc; 361.058.471 đồng lãi); còn nợ tổng cộng 1.794.551.343 đồng, gồm 1.119.165.844 đồng gốc và 675.385.499 đồng lãi (trong đó, tiền lãi trong hạn từ 16/02/2017 đến ngày 10/11/2017 là 104.144.599 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 11/11/2017 đến nay là 571.240.900 đồng).

Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc ông Trần Văn D trả số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông D không trả được nợ thì yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 465 ngày 10/11/2014 để thu hồi nợ.

- Theo lời trình bày của ông Trần Văn D tại Biên bản lấy lời khai và Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt cùng ngày 26/5/2020 thì:

Ông D thống nhất với nội dung trình bày của Ngân hàng về việc ký kết, thực hiện Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201401152 ngày 10/11/2014 và đồng ý với yêu cầu trả số tiền gốc, lãi còn nợ và xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

- Về tài liệu, chứng cứ:

+ Ngân hàng đã giao nộp Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201401152, Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 7601LAV201401152 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 465 cùng ngày 10/11/2014; các tài liệu liên quan đến việc đăng ký giao dịch bảo đảm.

+ Tòa án đã xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 465 ngày 10/11/2014.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tại phiên toà:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Những nội dung đã được các bên thống nhất:* Ông Trần Văn D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

- *Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự:* Ông Trần Văn D thừa nhận những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà Ngân hàng đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn D trả số tiền gốc, lãi còn nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201401152 ngày 10/11/2014 và hợp đồng này phát sinh từ hoạt động của Chi nhánh thành phố Sóc Trăng thuộc Ngân hàng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Ông Trần Văn D vắng mặt lần thứ nhất nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự này.

[3] Theo các nội dung đã được các bên thống nhất và tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[3.1] Ông Trần Văn D có vay 1.500.000.000 đồng của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201401152 ngày 10/11/2014 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 7601LAV201401152 ngày 10/11/2014 để mua xe đầu kéo - sơmi rơmóoc trong thời hạn 60 tháng; lãi suất 12,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay; hàng tháng trả 25.000.000 đồng gốc và tiền lãi phát sinh, lần trả nợ cuối cùng vào ngày 10/11/2019.

[3.2] Tài sản đảm bảo nợ vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 465 ngày 10/11/2014 là Xe đầu kéo nhãn hiệu DONGFENG, màu vàng, số máy 753087965095, số khung DY34E8017513, tải trọng 14.900Kg, 02 chỗ ngồi, biển số 83C-028.36 theo giấy Chứng nhận đăng ký xe ôtô số 000831 ngày 07/11/2014 và Sơ mi rơmóoc nhãn hiệu CIMC, màu vàng, số khung 2374E1013908, tải trọng 30.790kg, biển số 83R-000.64 theo giấy Chứng nhận đăng ký rơmoóc, sơmi rơ moóc số 000031 ngày 07/11/2014 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông D.

[3.3] Sau khi vay, ông D chỉ trả cho Ngân hàng được 741.892.627 đồng, gồm 380.834.156 đồng gốc, 361.058.471 đồng lãi; Còn nợ 1.794.551.343 đồng, gồm 1.119.165.844 đồng gốc, 675.385.499 đồng lãi (trong đó, tiền lãi trong hạn từ 16/02/2017 đến ngày 10/11/2017 là 104.144.599 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 11/11/2017 đến hôm nay là 571.240.900 đồng).

[4] Do ông D vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên việc Ngân hàng yêu cầu trả số tiền gốc lãi còn nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về trả nợ gốc lãi, lãi suất, tính lãi tiền vay, chuyển nợ quá hạn trong Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201401152, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 7601LAV201401152 cùng ngày 10/11/2014 và quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 11, điểm c khoản 2 Điều 24 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (đã được sửa đổi, bổ sung).

[5] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 465 ngày 10/11/2014 được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, được lập thành văn bản và có đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm và Điều 2, Điều 3 Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16/02/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án nên hợp pháp và có hiệu lực theo Điều 122, Điều 343 Bộ luật Dân sự 2005.

[6] Đồng thời, ông D cũng đồng ý với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng nên yêu cầu này của Ngân hàng cũng được chấp nhận theo khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 336, Điều 338, Điều 355 Bộ luật Dân sự 2005.

[7] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu 990.000 đồng để hoàn trả lại cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu; Bị đơn phải chịu 65.836.540 đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 122, Điều 343, Điều 336, Điều 338, Điều 355 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng và Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung);

Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16/02/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

Tuyên xử:

1/. Buộc ông Trần Văn D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201401152 ngày 10/11/2014 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 7601LAV201401152 ngày 10/11/2014 tổng cộng là 1.794.551.343 đồng, gồm 1.119.165.844 đồng gốc và 675.385.499 đồng lãi (104.144.599 đồng lãi trong hạn, 571.240.900 đồng lãi quá hạn).

Kể từ ngày 18/7/2020 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Trần Văn D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

2/. Trường hợp ông Trần Văn D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 465 ngày 10/11/2014 để ưu tiên thu hồi nợ vay.

3/. Về án phí và chi phí khác:

Ông Trần Văn D phải chịu 65.836.540 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng N 30.907.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001525 ngày

13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Trần Văn D phải chịu 990.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ để hoàn trả lại cho Ngân hàng N.

4/. Ngân hàng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Trần Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Khương